Phụ lục số 02

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2025-2026
ĐỘ TUỔI: 3 - 4 TUỔI

(Ban hành theo Quyết định số 188/QĐ-MNQĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc Ban hành Kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục nhà trương Năm học 2025-2026 của trường Mầm non Quảng Đức)

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

MÃ HÓA MT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Tổ chức ăn		
1	Trẻ được ăn theo chế độ, khẩu phần, số lượng bữa ăn phù hợp với độ tuổi; ăn đúng thực đơn.	- Trẻ ăn chế độ ăn : Cơm thường + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ: 1230-1320 Kcal. + Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại trường của trẻ/ngày: (chiếm 50-55% nhu cầu cả ngày:) 615 - 726 Kcal. - Số bữa ăn tại trường của trẻ: 1 bữa chính và 1 bữa phụ. Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: Chất đạm (13%-20%), chất béo (25%-35%), chất bột (52%-62%), - Xây dựng thực đơn hàng ngày, hàng tuần theo mùa phù hợp với địa phương.
2	Trẻ ăn ngon miệng, hết xuất.	- Rèn thói quen ăn hết xuất - Tổ chức bữa ăn dưới các hình thức khác nhau
3	Trẻ được uống đủ nước trong ngày theo quy định	- Rèn thói quen uống nước hàng ngày: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống phù hợp theo mùa.
Tổ chức ngủ		
4	Trẻ được ngủ đủ một giấc buổi trưa (khoảng	- Tổ chức giờ ngủ cho trẻ đảm bảo: Đồ dùng, không gian,

	150 phút)	giờ ngủ, tư thế ngủ…
Vệ sinh		
5	Trẻ được chăm sóc vệ sinh cá nhân	- Tạo một số thói quen vệ sinh cá nhân cho trẻ: - Sử dụng đồ dùng có kí hiệu riêng (khăn mặt, cốc, tủ cá nhân) và được vệ sinh hàng ngày.
6	Môi trường cho trẻ đảm bảo vệ sinh.	- Tổ chức vệ sinh lớp học, đồ dùng đồ chơi, vệ sinh ngoài sân trường - Giữ sạch nguồn nước sinh hoạt và xử lí rác, nước thải.
Chăm sóc sức khỏe và an toàn		
7	Trẻ được chăm sóc và theo dõi sức khỏe định kì.	- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm - Cân đo định kì cho trẻ 3 tháng/ lần.Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. - Cân đo trẻ SDD, TC hàng tháng - Phối hợp với phụ huynh phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì
8	Trẻ được đảm bảo an toàn khi ở trường, lớp	- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ - Rà soát và loại bỏ các yếu tố gây mất an toàn ở lớp, trường - Phòng tránh một số tai nạn thường gặp
9	Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp, theo dõi tiêm chủng	- Thực hiện phòng chống các dịch bệnh thường gặp (cúm, thủy đậu, đau mắt đỏ…), dịch bệnh covid-19 - Phối hợp với phụ huynh theo dõi tiêm chủng của trẻ, uống vacxin

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

MỤC TIÊU GIÁO DỤC		NỘI DUNG GIÁO DỤC
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		
1.1. Phát triển vận động		
1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; Ngồi xổm; Đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân. **Hoạt động khác:** Các bài dân vũ phù hợp độ tuổi. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
2	Trẻ đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m)	+ Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m) + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. + Đi ngang bước dồn - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
3	Trẻ đi kiễng gót liên tục 3m.	+ Đi kiễng gót theo khả năng. + Đi kiễng gót liên tục 3m.

		+ Đi khuỵu gối - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
4	Trẻ đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi theo đường dích dắc. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
5	Trẻ chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	+ Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc). - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
6	Trẻ chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.	- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
7	Trẻ tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).	- Tung bắt bóng với cô. - Tung bóng lên cao bằng hai tay. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
8	Trẻ thực hiện chuyền bắt bóng 2 bên	- Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng dọc. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
9	Trẻ tự lăn, đập, bắt bóng được 3 lần liên tiếp	- Tập đập và bắt bóng với cô - Đập và bắt bóng 3 lần liên tiếp. - Lăn bóng với cô - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
10	- Trẻ thực hiện được vận động ném xa	- Ném xa bằng một tay. - Ném xa bằng hai tay.

		- Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
11	- Trẻ thực hiện được vận động ném trúng đích	- Ném trúng đích đứng (xa 1m x cao 1m) - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
12	Trẻ bò trong đường hẹp (3mx0,4m) không chệch ra ngoài;	- Bò theo hướng thẳng; - Bò chui qua cổng. - Bò trong đường hẹp. - Bò theo đường dích dắc. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
13	Trẻ thực hiện được vận động trườn theo hướng thẳng, dích dắc.	- Trườn theo hướng thẳng. - Trườn theo đường dích dắc qua 3 điểm - Trườn về phía trước. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
14	- Trẻ thực hiện được vận động bước lên, xuống bục cao (cao 30cm)	- Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm) - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
15	Trẻ thực hiện được các vận động bật (Bật tại chỗ, bật xa tối thiểu 25cm...)	- Bật tại chỗ; Bật về phía trước. - Bật liên tục qua 3 vòng - Bật xa 20-25cm; Bật sang bên phải, bên trái - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
16	Trẻ thực hiện được vận động xoay tròn cổ tay	- Quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
17	Trẻ thực hiện được vận động gập đan ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.

18	Trẻ vẽ được hình tròn theo mẫu.	- Tô vẽ nguệch ngoạc; Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
19	Trẻ cắt thẳng được một đoạn 10cm.	- Xé, dán giấy. Sử dụng kéo, bút. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
20	Trẻ biết xếp chồng 8-10 khối không đổ.	- Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
21	Trẻ biết tự cài, cởi cúc.	- Đan, tết. Cài, cởi cúc. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
1.2 Giáo dục dinh dưỡng		
22	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 12,7-21,2 kg + Trẻ gái: 12,3- 21,5 kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 94,9-111,7 cm + Trẻ gái: 94,1- 111,3 cm	- Rèn cho trẻ thói quen ăn ngủ đúng giờ, đảm bảo nhu cầu năng lượng một ngày - Khám sức khoẻ theo định kỳ (2 lần/năm), cân đo trẻ (3 tháng/lần) theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng. Cân đo trẻ SDD, TC hàng tháng - Phối kết hợp với gia đình trong công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ, phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì - Rèn thói quen tập thể dục thường xuyên cho trẻ
23	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
24	Biết tên một số món ăn hàng ngày và món ăn đặc trưng của địa phương khi được gợi hỏi	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Kể tên một số thức ăn đặc trưng của địa phương (Măng rừng xào, dưa chua xào, trám kho cá…) qua tranh ản, vi deo.. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.

25	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều thức ăn khác.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất; Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng…). - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
26	Trẻ biết rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần áo... với sự giúp đỡ của người lớn	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng theo 6 bước do Bộ Y tế quy định. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
27	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách trong ăn uống hàng ngày.
28	Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống và giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
29	Trẻ biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học khi được nhắc nhở.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết trang phục theo thời tiết.
30	Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
31	Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, quạt điện, dao.. - Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm khi ngồi trên xe máy, xe đạp: Không được ngồi trên đầu xe, không được đứng trên xe, không ngồi ngược chiều của xe…
32	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (ao, hồ, bể chứa nước,	- Nhận biết những nơi nguy hiểm không được đến gần

	giếng, hồ vôi...) khi được nhắc nhở.	- Phòng tránh những nơi nguy hiểm: Đi giữa lòng đường, nô đùa, chạy nhảy, không quan sát 2 bên đường khi qua đường...
33	Trẻ không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng khi ăn, uống.
34	Trẻ không tự lấy thuốc uống; không leo trèo bàn ghế; không nghịch các vật sắc nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng khi uống thuốc, leo trèo bàn ghế, nghịch các vật sắc nhọn.
35	Trẻ không đi theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người lớn giúp đỡ. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp.
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức		
2.1 Khám phá khoa học		
36	Trẻ biết được một số giác quan và bộ phận cơ thể con người.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Một số bộ phận nhạy cảm trên cơ thể và cách bảo vệ. - Một số thao tác chăm sóc, vệ sinh và khả năng tự bảo vệ bản thân. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
37	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.
38	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn dể quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Tập làm các thử nghiệm đơn giản.

39	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh, trò chuyện về đối tượng.	- Xem sách, tranh ảnh, trò chuyện về đối tượng.
40	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 dấu hiệu nổi bật - Phân loại phương tiện giao thông theo 1 dấu hiệu nổi bật. - Phân loại cây, hoa quả, con vật theo một dấu hiệu. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
41	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
42	Trẻ biết mô tả nhưng dấu hiệu nổi bật của một số đồ dùng, đồ chơi với sự gợi mở của cô giáo	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
43	Trẻ biết mô tả nhưng dấu hiệu nổi bật của một số phương tiện giao thông gần gũi với sự gợi mở của cô giáo	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giáo thông quen thuộc. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
44	Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của con vật, cây cối, hoa, quả với sự gợi mở của cô giáo	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
45	Trẻ mô tả được những dấu hiệu nổi bật của của một số hiện tượng tự nhiên được quan sát với sự gợi mở của cô giáo..	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.

		- Một số nguồn nước trong sinh hoạt. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
46	Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình....	- Các trò chơi đóng vai; hát các bài hát về cây, con vật; vẽ, xé, dán, nn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
2.2. Khám phá xã hội		
47	Trẻ nói được tên, tuổi, gới tính của bản thân, khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
48	Trẻ nói được tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bổ mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
49	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh.	- Địa chỉ của gia đình. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
50	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các ban, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường mầm non. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
51	Trẻ kể được tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng,....khi được hỏi xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.

		- Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
52	Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu....qua trò chuyện, tranh ảnh	- Tên một số lễ hội. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
53	Trẻ biết kể tên 1 số lễ hội ở địa phương khi được gợi hỏi	- Lễ hội của địa phương: Tết Hàn Thực, lễ cấp sắc....
54	***Trẻ bước đầu biết đến một số nét văn hóa đặc trưng của dân tộc Dao (trang phục truyền thống, món ăn đực trưng)***	***- Nhận biết trang phục truyền thống dân tộc Dao*** ***- Nhận biết món ăn đặc trưng của người Dao (Sôi ba màu..)***
55	Trẻ kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
2.3. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
56	Trẻ quan tâm đến các số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lương.	- Đếm, hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lương. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
57	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. Lồng ghép giáo dục an toàn giao thông - 1 và nhiều - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
58	Trẻ biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.

59	- Trẻ biết tách, gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có số lượng phạm vi 5.	- Tách, gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và đếm - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
60	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1; ghép đôi - Xếp xen kẽ. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
61	Trẻ biết so sánh đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau	- So sánh 2 đối tượng về kích thước + To hơn/nhỏ hơn; + Dài hơn/ngắn hơn; + Cao hơn/thấp hơn; bằng nhau - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
62	Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để chắp ghép. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
63	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên- phía dưới; phía trước- phía sau; tay phải – tay trái của bản thân. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
3.1 Nghe		
64	Nghe hiểu được từ về tên gọi, đặc điểm của một số đồ	- Nghe hiểu các từ chỉ người, hành động và tên gọi đồ

	vật, con vật gần gũi, quen thuộc.	vật quen thuộc.
65	Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ :"Cháu hãy lấy quả bóng , ném vào rổ".	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
66	Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần, áo, đồ chơi, hoa quả...	- Hiểu được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
67	Biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe, hiểu và trả lời nội dung các câu đơn, câu mở rộng.
68	Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao, ca dao phù hợp với độ tuổi.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Lồng ghép giáo dục an toàn giao thông - Nghe, hiểu nội dung của các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. Lồng ghép giáo dục an toàn giao thông.
3.2. Nói		
69	Trẻ sử dụng được các từ, câu đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày.	- Nói các câu đơn giản 3-5 từ.
70	Thể hiện hành vi văn minh trong giao tiếp (chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, chú ý lắng nghe người khác nói, nhìn vào mặt người nói).	- Mạnh dạn ngồi chơi, trò chuyện với người xung quanh.
71	Trẻ nói được rõ các tiếng.	- Phát âm rõ các tiếng của tiếng Việt.
72	Trẻ biết sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm…	- Các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm…..
73	Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.

		- Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai?; Cái gì?; Ở đâu? - Có thể nói được những hậu quả khi không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông.
74	Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc đơn giản đã diền ra của bản thân.
75	Trẻ đọc thuộc bài thơ, đồng dao, cao dao….	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè...
76	Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ.
77	Trẻ bắt trước giọng nói của nhân vật trong chuyện.	- Đóng vai theo người dẫn chuyện của giáo viên.
78	Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng ạ"; "Dạ"; "Thưa" trong giao tiếp.	- Sự dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
79	Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói rõ ràng, đủ nghe. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
3.3. Làm quen với đọc và viết		
80	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Làm quen với cách đọc tiếng Việt
81	Trẻ thích nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
82	Trẻ thích vẽ nguệch ngoạc.	- Vẽ nguệch ngoạc.
83	Trẻ biết giữ gìn sách khi được cô giáo nhắc nhở.	- Giữ gìn sách.

84	Trẻ có thể cầm sách đúng chiều với sự hướng dẫn của cô.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện. - Xem tranh, ảnh về ẩm thực, các lễ hội của địa phương
4. Lĩnh vực phát triển thẩm mĩ		
4.1. Âm nhạc		
85	- Trẻ biết thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
86	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhẩy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). hát theo, vỗ tay, nhún nhẩy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
87	Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. Lồng ghép giáo dục an toàn giao thông. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
88	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
89	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
90	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo phách, nhịp	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
91	- Trẻ có thể nhận biết âm sắc của một số dụng cụ âm	- Lắng nghe và nhận biết âm sắc của một số dụng cụ âm

	nhạc quen thuộc khi được gợi hỏi	nhạc quen thuộc - Nghe và nhận ra dụng cụ dân tộc của địa phương
92	Trẻ biết ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (màu sắc, hình dáng....) của tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
93	Biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
94	Trẻ biết tô màu, vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Lồng ghép giáo dục an toàn giao thông. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
95	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
96	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
97	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
98	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm của mình, của bạn.
99	Trẻ biết tạo ra các sản phẩn tạo hình theo ý thích, đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.
5. Lĩnh vực phát triển tình cảm-kỹ năng xã hội		
5.1. Phát triển tình cảm		

100	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.
101	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.
102	Trẻ mạnh dạn khi tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Chơi hòa thuận với bạn. - Trẻ mạnh dạn, trả lời câu hỏi rõ ràng.
103	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi....)	- Tập làm một số việc đơn giản của lớp: Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi.....
104	Trẻ có thể nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
105	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.
106	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ.
107	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ.	- Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ.
5.2. Phát triển kỹ năng xã hội		
108	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ....	- Một số quy định của lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Rèn kỹ năng ngồi trên xe đạp, xe máy an toàn - Quy định khi tham gia giao thông: không được qua đường một mình, muốn qua đường phải được người lớn nắm tay, dẫn dắt.
109	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)
110	Trẻ biết chú ý nghe cô, bạn nói.	- Chú ý lắng nghe cô, bạn nói.

111	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Trẻ biết xếp hàng, đi theo hàng, biết chờ đến lượt. - Chơi hoà thuận với bạn.
112	- Trẻ biết yêu mến người thân trong gia đình	- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột trong gia đình - Làm bưu thiếp, tặng hoa cho
113	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây, tiết kiệm nước, giữ gìn vệ sinh môi trường.	- Quan sát cảnh vật thiên nhiên. - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Tiết kiệm nước, giữ gìn vệ sinh môi trường. - Nhận biết hành vi" đúng, sai", "tốt, xấu"
114	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường: Bỏ rác đúng nới quy định, không nhổ bọt bừa bãi...
115	Trẻ có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu	- 1 số đặc điểm của thời tiết và hiện tượng tự nhiên: Nắng, mưa, gió, trời nhiều mây... - Ứng phó với biến đổi khí hậu: Mưa có ô, nắng có mũ...
116	Trẻ có khả năng nhận biết các biểu hiện cảm xúc, các hành động của bạo lực, xâm hại	- Dấu hiệu bạo lực thể chất và bạo lực tinh thần. - Dấu hiệu của lạm dụng, xâm hại. - Cách bảo vệ bản thân.
117	Trẻ biết cách thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ	- Nhận ra dấu hiệu bị cháy: Có mùi khét, khói bốc lên - 1 số lối để thoát hiểm: Cửa trước, cửa sau.... - Dùng khăn ướt để bịt mũi và cúi sát người xuống sàn nhà khi thoát nạn….

III. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

Stt	Chủ đề	Sự kiện	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường Mầm non của bé	Ngày hội đến trường, Tết trung thu	4 Tuần	Từ 08/09/2025 đến 03/10/2025
2	Bản Thân	Ngày 20/10	4 Tuần	Từ 06/10/2025 đến 31/10/2025
3	Gia đình	Ngày hội 20/11	4 Tuần	Từ 03/11/2025 đến 28/11/2025
4	Bé yêu thích nghề nào?	Ngày 22/12	4 Tuần	Từ 01/12/2025 đến 26/12/2025
5	Thế giới động vật trong mắt bé		3 Tuần	Từ 29/12/2025 đến 16/01/2026
6	Thế giới thực vật trong mắt bé	Tết Nguyên đán	4 Tuần	Từ 19/01/2026 đến 13/02/2026
	(Nghỉ tết Nguyên Đán từ ngày 16/02/2026 đến hết ngày 28/02/2026)			
7	Phương tiện và luật lệ giao thông	Ngày 8/3	3 Tuần	Từ 02/03/2026 đến 20/03/2026
8	Nước và các hiện tượng tự nhiên.	Tết Hàn thực (Lễ hội xôi ba màu) Giỗ tổ Hùng Vương	4 Tuần	Từ 23/03/2026 đến 17/04/2026
9	Quê hương - Đất nước	Giải phóng Miền Nam 30/4	3 Tuần	Từ 20/04/2026 đến 08/05/2026
10	Bác Hồ với thiếu nhi	Sinh nhật Bác, tết thiếu nhi 1/6	2 Tuần	Từ 11/05/2026 đến 22/05/2026
	Cộng		**35 tuần**	

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ QUẢNG ĐỨC T. QUẢNG NINH
TRƯỜNG MẦM NON QUẢNG ĐỨC

Lương Tố Trinh